

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1: DỰ ÁN XÂY DỰNG NÂNG CẤP
VÀ LÀM MỚI ĐƯỜNG TỈNH LỘ 6 - ĐT.651G (ĐOẠN 2)
THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP VÀ LÀM MỚI ĐƯỜNG TỈNH LỘ 6 -
ĐT.651G (ĐOẠN 2)**

Khánh Hòa, tháng năm 2024

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1: DỰ ÁN XÂY DỰNG NÂNG CẤP
VÀ LÀM MỚI ĐƯỜNG TỈNH LỘ 6 - ĐT.651G (ĐOẠN 2)
THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP VÀ LÀM MỚI ĐƯỜNG TỈNH LỘ 6 -
ĐT.651G (ĐOẠN 2)

CHỦ DỰ ÁN

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

KT. GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hòa

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

Khánh Hòa, tháng năm 2024

TÀI LIỆU CÁC NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1: DỰ ÁN XÂY DỰNG NÂNG CẤP VÀ LÀM MỚI ĐƯỜNG TỈNH LỘ 6 - ĐT.651G (ĐOẠN 2) THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP VÀ LÀM MỚI ĐƯỜNG TỈNH LỘ 6 - ĐT.651G (ĐOẠN 2)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2) thuộc Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2).

- Địa điểm thực hiện: xã Ninh Thượng, xã Ninh An, xã Ninh Sơn thuộc thị xã Ninh Hòa và xã Vạn Hưng thuộc huyện Vạn Ninh.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa.

- Địa chỉ: tầng 7-8 Khu Liên Cơ - 16 Nguyễn Thiện Thuật - Tp. Nha Trang - Khánh Hòa.

- Điện thoại: 024.35381597;

- Fax: 024.38223312.

- Email: bqlctgt@khanhhoa.gov.vn.

- Đại diện: ông Phạm Văn Hòa;

- Chức vụ: Phó Giám đốc.

- Tiến độ thực hiện dự án: 2024-2027.

- Tổng mức đầu tư: 605.800.000.000 đồng.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi dự án

- Điểm đầu tuyến Km0+00: nối tiếp đường TL6 - Đoạn 1 (lý trình điểm cuối của Đoạn 1: Km6+770), giao với đường liên xã Phụng - Thân - Thượng, thuộc địa phận xã Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa. Tọa độ địa lý: 12°33'43.33"N; 109° 04'53.54"E.

- Điểm cuối tuyến Km14+787,5: giao với đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đi Ninh Hòa, thuộc địa phận xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh. Tọa độ địa lý: 12°35'49.70"N; 109°11'35.26"E.

- Tuyến đường với chiều dài khoảng 15,875km (trong đó tuyến chính dài 14,434km; 02 nhánh tại nút giao Quốc lộ 1 dài tổng cộng 1,44km).

b) Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Cấp công trình: cấp III; Dự án nhóm B.

- Quy mô đầu tư của dự án: Chiều dài tuyến khoảng 15,875km, (trong đó tuyến chính dài 14,434km; 02 nhánh tại nút giao Quốc lộ 1 dài tổng cộng 1,44km). Đầu tư toàn tuyến theo quy mô nền rộng 9m, bao gồm mặt đường 7m, lề gia cố 2 bên x 0,5m = 1m và lề đất 2 bên x 0,5 = 1m.

- Mặt đường: cấp cao A1, mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$.
- Tần suất thiết kế: $P=4\%$ đối với phần tuyến và cầu nhỏ; $P=1\%$ đối với cầu trung và cầu lớn.
- Công trình cầu: Khổ cầu phù hợp với khổ nền đường, tải trọng thiết kế HL93.

c. Quy mô đầu tư của dự án:

(1) Chiều dài tuyến khoảng 15,875km, (trong đó tuyến chính dài 14,434km; 02 nhánh tại nút giao Quốc lộ 1 dài tổng cộng 1,44km). Đầu tư toàn tuyến theo quy mô nền rộng 9m, bao gồm mặt đường 7m, lề gia cố 2 bên x 0,5m = 1m và lề đất 2 bên x 0,5 = 1m.

(2) Xây dựng các công trình cầu vượt sông, cầu vượt đường bộ cao tốc, vượt đường sắt Bắc - Nam kết nối với Quốc lộ 1; Tải trọng thiết kế cầu: HL93.

(3) Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

(4) Toàn bộ dự án giải phóng mặt bằng theo quy hoạch rộng 42m.

1.4. Phương án thiết kế

1.4.1. Phần đường

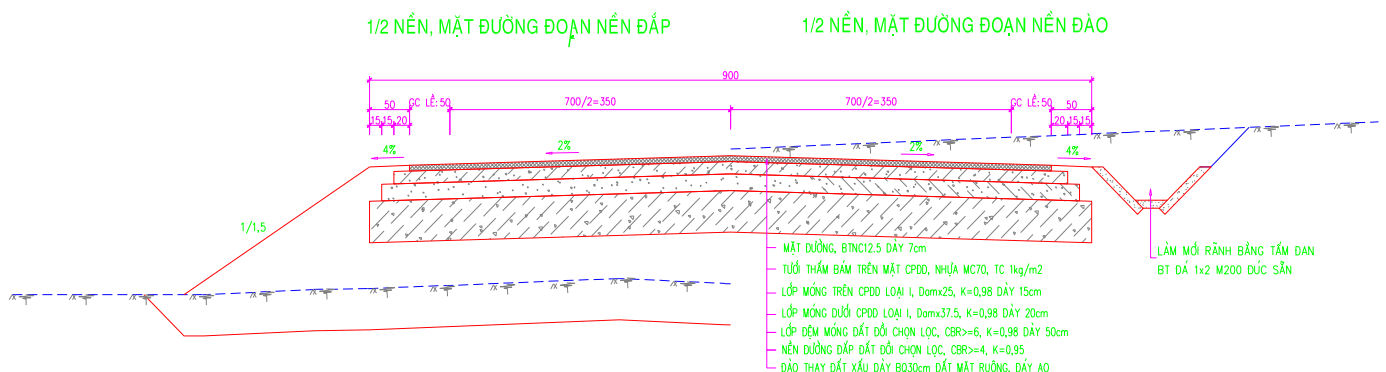
a) Phạm vi đầu tư

Đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G đoạn 2 dài 15,875km (trong đó tuyến chính dài 14,434km; 2 nhánh tại nút giao quốc lộ 1 dài tổng cộng 1,44km) bắt đầu từ cuối đoạn 1 Tỉnh lộ 6 hiện có (lý trình Km6+770) giao với đường liên xã Thân - Trung - Thượng, điểm cuối giao tuyến đường quy hoạch ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa. Đi qua các xã Ninh Thượng, Ninh An, Ninh Sơn thuộc thị xã Ninh Hòa và xã Vạn Hưng thuộc huyện Vạn Ninh.

b) Quy mô mặt cắt ngang

Đầu tư toàn tuyến theo quy mô đường cấp IV đồng bằng và đồi, vận tốc thiết kế 60km/h. Mặt rộng 7m nền rộng 9m. Phạm vi giải tỏa theo lộ giới quy hoạch rộng 42m.

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN NỀN, MẶT ĐƯỜNG (PHƯƠNG ÁN 1: QUY MÔ ĐƯỜNG CẤP IV ĐỒNG BẰNG)



c) Kết cấu áo đường

* Kết cấu cho quy mô đường cấp IV:

- Kết cấu mặt đường: Trục xe tính toán 10T. Mặt đường cấp cao A1, bằng 1 lớp BTNC12,5 móng đường gồm 2 lớp cấp phối đá dăm.

- Lựa chọn mô đun đàn hồi yêu cầu: Chọn E_{yc} theo cấp đường thiết kế, số trục xe tính toán, đề xuất $E_{yc} = 133 \text{ Mpa}$.

- Kết cấu áo đường mềm gồm các lớp từ trên xuống như sau:

$$E_{chm}=134\text{Mpa}$$

$$E_{ch}=157\text{Mpa} > E_{yc} \times K_{cd}^{dv} = 146\text{Mpa}$$

7cm	Lớp mặt BTNC12,5 rải nóng
15cm	CPĐD loại I Dmax25 K=0,98; $E_1 = 270 \text{ Mpa}$
20cm	CPĐD loại I Dmax37.5 K=0,98; $E_1 = 270 \text{ Mpa}$
> 50cm	Lớp đệm móng đất á sét, lu lèn K=0,98; a=0,65 $E_0=45 \text{ Mpa}$

* Kết cấu cho quy mô đường chính đô thị:

- Kết cấu mặt đường: Trục xe tính toán 12T. Mặt đường cấp cao A1, bằng 2 lớp BTNC12,5 móng đường gồm 2 lớp cấp phối đá dăm.

- Lựa chọn mô đun đàn hồi yêu cầu: Chọn E_{yc} theo cấp đường thiết kế, số trục xe tính toán, đề xuất $E_{yc} = 161 \text{ Mpa}$.

- Kết cấu áo đường mềm gồm các lớp từ trên xuống như sau:

$$E_{chm}=160\text{Mpa}$$

$$E_{ch}=192\text{Mpa} > E_{yc} \times K_{cd}^{dv} = 188\text{Mpa}$$

5cm	Lớp mặt trên BTNC12,5 rải nóng
7cm	Lớp mặt dưới BTNC19 rải nóng
24cm	CPĐD loại I Dmax25 K=0,98; $E_1 = 270 \text{ Mpa}$
24cm	CPĐD loại I Dmax37.5 K=0,98; $E_1 = 270 \text{ Mpa}$
> 50cm	Lớp đệm móng đất á sét, lu lèn K=0,98; a=0,65 $E_0=50 \text{ Mpa}$

d) Nút giao:

Tuyến Tỉnh lộ 6 đoạn 2 có điểm đầu nối tiếp TL6 đoạn 1 và giao với đường liên xã Thân-Trung-Thượng; Điểm cuối giao với đường ven biển Vạn Ninh-Ninh Hòa; Dọc tuyến giao cắt với 4 tuyến giao thông chính gồm:

- Giao cắt với tuyến đường bộ cao tốc đoạn Vân Phong – Nha Trang;
- Giao cắt với tuyến đường sắt tốc độ cao;
- Giao cắt với tuyến Quốc lộ 1 + đường sắt Bắc Nam hiện hữu;
- Giao cắt với tuyến tỉnh lộ 7 hiện hữu.

đ) Hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước của dự án bao gồm thoát nước địa hình, cống và mương thủy lợi và các đoạn cải mương. Tần suất tính toán cho cống địa hình thoát nước lưu vực H4%.

e) Nền đường:

- Nền đường đắp thông thường:
 - + Nền đất tự nhiên được đào bỏ toàn bộ lớp đất hữu cơ, đất không thích hợp trước khi đắp nền đường.
 - + Ta luy nền đường: Độ dốc 1/1,5.
 - + Khi chiều cao đắp $H > 8m$, mái ta luy được chia bậc, mỗi bậc cao 6m, giữa các bậc bố trí thêm rộng 2m dốc 6% ra ngoài ta luy.
- Nền đường đào thông thường:
 - + Nền đường đào thiết kế độ dốc mái ta luy đảm bảo ổn định lâu dài.
 - + Ta luy nền đường thông thường: Độ dốc 1/1,5 đối với nền đất, đất đá xen kẽ hoặc đá phong hóa mạnh.

f) Mặt đường:

Kết cấu mặt đường: cấp cao A1, đảm bảo mô đun đàn hồi $E_{yc} = 155MPa$. Kết cấu áo đường được lựa chọn gồm các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt (BTNC) 12,5 dày 5 cm.
- Nhựa dính bám 0,5 kg/m².
- Bê tông nhựa chặt (BTNC) 19 dày 7 cm.
- Nhựa thấm bám 1,0 kg/m².
- Cấp phối đá dăm loại I $D_{max} = 25mm$, dày 27 cm.
- Cấp phối đá dăm loại II $D_{max} = 37,5mm$, dày 27 cm.

1.4.2. Phần cầu

Thiết kế các cầu trên tuyến như sau:

Bảng 1.1. Thống kê các công trình cầu trên tuyến

TT	Tên cầu	Lý trình	Chiều dài cầu dự kiến (m)	Bề rộng toàn cầu (m)	Ghi chú
1	Cầu Suối Mơ	Km0+108	49,6	10	1 nhịp, cầu vượt suối
2	Cầu Suối Dứa	Km5+100	49,6	10	1 nhịp, vượt suối
3	Cầu Đá Bàn	Km5+300	90,5	10	2 nhịp, vượt sông
4	Cầu vượt đường bộ cao tốc	Km9+981	220,5	10	5 nhịp, vượt cao tốc
5	Cầu vượt quốc lộ 1 + đường sắt hiện hữu	Km12+473	292	10	7 nhịp, vượt quốc lộ + đường sắt

*** Kết cấu nhịp:**

Kết cấu nhịp dầm giản đơn lắp ghép, nghiên cứu các loại dầm BTCT và BTCT DUL. Mặt cắt ngang cầu phù hợp khổ đường, lòng cầu rộng 9m, lan can cầu 0,5m mỗi

bên. Bố trí 4 dầm chủ trên mặt cắt ngang, ưu tiên các loại dầm có tính công xưởng hóa cao. Đảm bảo phù hợp với năng lực các nhà thầu thi công trong nước, giá cả phù hợp. Các loại dầm dự kiến áp dụng:

- Dầm bản: Kết cấu BTCT DƯL, chiều dài từ 9m – 24m, chiều cao từ 0,4m – 0,95m thích hợp cho cầu nhỏ, cầu trung; điều kiện sản xuất tại hiện trường và nhà máy;

- Dầm I: Kết cấu BTCT DƯL, chiều dài từ 12,5m – 33m, chiều cao từ 0,61m – 1,65m, thích hợp cho cầu nhỏ, cầu trung, cầu lớn; điều kiện sản xuất tại hiện trường và nhà máy;

- Dầm super T: Kết cấu BTCT DƯL, chiều dài từ 35m – 38,2m chiều cao ~1,75m, thích hợp cho cầu trung, cầu lớn; điều kiện sản xuất tại hiện trường và nhà máy;

- Dầm U: Kết cấu BTCT DƯL, chiều dài từ 20m – 42m, chiều cao 1,1m ~ 1,6m thích hợp cho cầu lớn; điều kiện sản xuất tại nhà máy;

*** Kết cấu móng cầu:**

Ngoài dạng móng chữ U phổ biến, móng cầu sẽ được nghiên cứu áp dụng cụ thể tại từng vị trí xây dựng.

*** Trụ cầu:**

Cơ bản nghiên cứu trụ dạng 1 hoặc 2 cột (dạng chữ II) kết cấu khung bằng BTCT. Kích thước và hình dạng trụ sẽ được nghiên cứu phù hợp với điều kiện từng vị trí cầu.

*** Kết cấu móng:**

Tùy điều kiện địa chất và tải trọng truyền xuống từ kết cấu phần trên, nghiên cứu sử dụng các loại móng như móng nông, móng cọc đúc sẵn (sử dụng cọc vuông BTCT, cọc ống BTCT DƯL), móng cọc khoan nhồi,...

1.5. Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất và phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB), tái định cư

Tổng diện tích đất GPMB của dự án khoảng 61,82ha chủ yếu đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất lúa, đất ở nông thôn và một phần đất rừng sản xuất. Cụ thể như sau:

- Đất ở nông thôn: Khoảng 6,5ha (Vạn Ninh: 2,19ha + Ninh Hòa: 4,31ha);

- Đất vườn: Khoảng 0,51ha (Vạn Ninh);

- Đất trồng cây lâu năm, hàng năm: Khoảng 34,84ha (Vạn Ninh: 21,58ha + Ninh Hòa: 13,26ha);

- Đất chuyên trồng lúa: Khoảng 8,91ha (Vạn Ninh: 5,5ha + Ninh Hòa: 3,41ha);

- Đất rừng sản xuất: Khoảng 11,08ha (Vạn Ninh: 7,96ha + Ninh Hòa: 3,12ha).

1.6. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

1.6.1. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư

Bảng 1.2. Tổng hợp khoảng cách từ dự án tới khu dân cư

Đối tượng	Lý trình	Chiều dài (m)	K/c đến ranh giới tuyến (m)
KDC thôn Tân Lâm, xã Ninh Thượng	Km0+000	0	- Khoảng cách đến ranh giới tuyến từ 10-20m. - KDC tập trung chủ yếu tại điểm tiếp nối với đường Tỉnh lộ 6 (đoạn 1).
KDC thôn Hòa Thiện 2, xã Ninh An; KDC thôn 1, xã Ninh Sơn	Km5+515 đến Km8+400	3.000	- Khoảng cách đến ranh giới tuyến từ 10-20m. - KDC tập trung 2 bên tuyến, có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công dự án.
KDC thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng	Km12+370 đến Km12+520	150	- Khoảng cách đến ranh giới tuyến từ 10-20m. - KDC tập trung 2 bên tuyến, tại nút giao với QL1, dân cư đông đúc và có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công dự án.
KDC thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng	Km14+600 đến Km14+787	187	- Khoảng cách đến ranh giới tuyến từ 10-20m. - KDC tập trung 2 bên tuyến, có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công dự án.

1.6.2. Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

Yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 28 Luật BVMT và Khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Dự án chiếm dụng khoảng 8,91 ha đất trồng lúa nước 02 vụ (LUC).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và có nguy cơ gây ngập úng, xói lở, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ,...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn thi công

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 3,5 m³/ngày.đêm/công trường thi công với thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công phát sinh nước thải với khối lượng tối đa khoảng 1,36 m³/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 0,52 m³/s/công trường thi công/trận mưa lớn nhất với thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn vận hành
Không có hoạt động phát sinh nước thải.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

Hoạt động thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất đào đắp phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường giai đoạn thi công:

- Hoạt động phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng trong phạm vi GPMB phục vụ thi công gây phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 18.308 tấn. Thành phần chủ yếu là mẩu sắt, thép, xà bần, gạch ngói, bê tông,...

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công phát sinh khối lượng sinh khối khoảng 211,45 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá.

- Đất bóc tầng mặt đất chuyên trồng lúa trong phạm vi GPMB: khối lượng khoảng 22.275 m³. Thành phần đất mặt của đất chuyên trồng lúa.

- Hoạt động đào, đắp, khoan cọc nhồi,... phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 33.035,28m³. Thành phần chủ yếu gồm: đất KTH, đất lẫn bentonite.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 0,44 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là mẩu sắt, thép, xà bần, bao bì,...

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 25 kg/ngày/công trường thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 3÷5 m³/đợt bảo dưỡng với thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu hỏng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH trong giai đoạn thi công:

Hoạt động văn phòng và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công phát sinh CTNH với khối lượng khoảng 20,2 kg/tháng/công trường thi công với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, pin thải, hộp mực in thải,...

* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH trong giai đoạn vận hành:

Hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến phát sinh CTNH với khối lượng khoảng 3 kg/đợt bảo dưỡng với thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, sơn thừa, nhựa đường bám dính,...

3.4. Tiếng ồn và độ rung

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung giai đoạn thi công:

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn, có khả năng ảnh hưởng tới tổ chức, cá nhân, khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến với khoảng cách từ 20m÷100m.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung giai đoạn vận hành:

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến ở khoảng cách từ 10 m ÷ 30 m tính từ phạm vi đất dành cho đường bộ.

3.5. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng tới hệ sinh thái, hoạt động giao thông đường bộ, hoạt động giao thông đường thủy nội địa và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân khu vực Dự án và có khả năng xảy ra sự cố ngập úng, cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

- Hoạt động thi công cầu có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt của các sông/kênh tuyến cắt qua.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công:

- Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 02 nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ (03 lần/tuần) hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

+ Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị

chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

+ Thông số kỹ thuật của nhà vệ sinh di động như sau: Rộng x Dài x Cao = (900 x 2) x 1300 x 2500 (mm); Bể chứa chất thải 3.000lít; Bể nước sạch 400lít. Vật liệu: Composite nguyên khối.

- Xây dựng tại công trường thi công hệ thống cầu rửa xe kích thước L x B x H = (4,75 x 2,25 x 0,4) m và 01 bể lắng cấu tạo 04 ngăn với tổng dung tích khoảng 9 m³ để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung, trong đó: bể gom có kích thước (dài x rộng x cao) = 1x1x1,5 (m), bể tách dầu mỡ có kích thước 1x1x1,5 (m), bể lắng cặn kích thước 1x1x1,5 (m), bể chứa nước sau xử lý kích thước 1,5x1,5x2,0 (m). Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được chuyển về bể chứa để tái sử dụng lại; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải rắn khác của Dự án theo quy định.

+ Quy trình: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → bể gom → tách dầu → lắng cặn → bể chứa → tuần hoàn tái sử dụng.

- Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước (miệng rãnh x đáy x sâu) khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước LxBxH khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m/hố với khoảng cách khoảng 100 m/hố lắng xung quanh công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất, đá thải của Dự án.

+ Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa vào hố lắng → lắng cặn → môi trường.

* Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành: Không có.

b. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công:

Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước tưới ẩm thường xuyên vào những ngày không mưa với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi tham nhựạ; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư, trường học dọc tuyến thi công, đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

*Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành:

Định kỳ thực hiện quét, thu gom chướng ngại vật và vệ sinh mặt đường trên tuyến đường; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng mặt đường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

*Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn trong giai đoạn thi công:

- Đối với đất hữu cơ bóc từ đất chuyên trồng lúa:

Khối lượng đất đào tầng mặt của đất lúa nước chuyên dùng (LUC) được tận dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định của Luật Trồng trọt. Dự án sẽ sử dụng đất bóc từ đất chuyên trồng lúa tận dụng cho hạng mục trồng cây xanh vỉa hè, trồng cỏ ta luy và dải đất dự trữ thuộc phạm vi Dự án. Diện tích trồng cây xanh, trồng cỏ mái taluy tại các vị trí dọc tuyến khoảng 320.000m², chiều cao đống đất màu khoảng 0,25m. Khối lượng đất chuyên trồng lúa cần thiết khoảng 80.000m³. Như vậy, khối lượng đất đào tầng mặt của đất lúa nước chuyên dùng (LUC) được tận dụng hoàn toàn vào mục đích nông nghiệp theo quy định của Luật Trồng trọt.

- Đối với CTR thông thường từ phá dỡ các công trình trong phạm vi GPMB:

+ Tháo dỡ nhà ở: Ưu tiên cho người dân tự tháo dỡ các công trình để tận dụng các vật liệu có thể sử dụng (cửa, sắt thép hàng rào, cổng, gạch xây tường tận dụng lại cho các công trình khác,...) trước khi bàn giao mặt bằng cho dự án, vừa tạo điều kiện cho người dân vừa giảm lượng chất thải cần phá dỡ.

+ Tận dụng toàn bộ đất, đá, bê tông từ hoạt động GPMB để chuyển sang vật liệu đắp cho các hạng mục phụ trợ.

+ Thu gom toàn bộ khối lượng chất thải rắn thực bì, cây cỏ, xà bần,..., phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng sẽ hợp đồng với Đơn vị chức năng thu gom và vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định (hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang thu gom, vận chuyển, xử lý theo biên bản thoả thuận ngày 05/3/2024).

- Đối với đất đào đắp thông thường:

Khối lượng đất hữu cơ, đất đào nền phát sinh được vận chuyển đi đổ thải các bãi thải đã được thoả thuận bao gồm: bãi thải số 1 diện tích 4.022 m², dung tích 6.000m³; bãi thải số 2 diện tích 936,6 m², dung tích 2.700m³; bãi thải số 3 diện tích 67.392 m², dung tích 200.000m³; bãi thải số 4 diện tích 10.055 m², dung tích 30.165m³; bãi thải số 5 diện tích 44.462 m², dung tích 90.000m³; bãi thải số 6 diện tích 3.472 m², dung tích 7.000m³; bãi thải số 7 diện tích 7.518 m², dung tích 25.000m³.

- Chất thải rắn xây dựng khác:

- Xi măng, đất, cát rơi vãi được hạn chế phát sinh, đối với quá trình thi công được lót lớp vải bạt hoặc bì xi măng để thu gom, tái sử dụng trong các mẻ vữa sau.

- Ván, cột gỗ phục vụ xây dựng sau khi hoàn thành công trình được thu gom và bảo quản để sử dụng lại cho các công trình khác.

- CTR xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... sẽ được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển về khu xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: bố trí tại mỗi công trường thi công 05 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 240 lít/thùng, đảm bảo thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

* Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn trong giai đoạn vận hành:

Thu gom toàn bộ CTR thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định ngay sau khi có phát sinh.

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

* Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTNH trong giai đoạn thi công:

- Thu gom và lưu chứa toàn bộ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công trường vào 05 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải và tập kết tại kho riêng, diện tích khoảng 10m² có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại tại công trường, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

* Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành:

Thu gom toàn bộ CTNH phát sinh vào thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy, có gắn mã phân định CTNH theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định khi có phát sinh.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn

a. Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công:

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công gần các khu dân cư; không thi công vào thời gian từ 22h - 6h tại các khu vực gần khu dân cư tập trung; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; đền bù mọi thiệt hại nếu hoạt động thi công gây hư hại đến công trình, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành:

Thực hiện kiểm soát tải trọng đối với các phương tiện lưu thông trên tuyến, bảo đảm các phương tiện lưu thông trên tuyến đều đúng tải trọng cho phép; đề xuất với cơ quan có thẩm quyền lắp đặt các biển báo hạn chế tốc độ tại các vị trí qua khu dân cư phù hợp với quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng và đất canh tác của dân dọc tuyến; bố trí cống thoát nước qua đường với kích thước phù hợp theo thỏa thuận với địa phương để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước theo đúng yêu cầu; bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án; thực hiện hoàn nguyên môi trường và thanh thải lòng sông, kênh khu vực Dự án ngay sau khi Kết thúc thi công.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động cấp nước mặt khi thi công cầu qua sông, kênh

Sử dụng hệ thống khung vây thép xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp cọc khoan nhồi để ngăn nước mặt chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ và tràn đổ đất ra bên ngoài; nghiêm cấm mọi hành động thải ra môi trường xung quanh bùn khoan là đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite tràn đổ phát sinh trong quá trình thi công các móng, trụ bằng công nghệ cọc khoan nhồi có sử dụng bentonite. Bùn thải có chứa bentonite sẽ hợp đồng với Đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển về bãi chứa CTR xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố úng ngập cục bộ: thực hiện cải tạo mương, kênh, cống tại các vị trí đoạn tuyến cắt qua trước khi tiến hành thi công; hoàn thành việc cải tạo kênh, mương trước mùa mưa, mùa gieo cấy; sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hờ để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ; thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây ngập úng cục bộ.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, xói lở, bồi lắng: Thi công các hạng mục móng trụ gần vị trí bờ sông theo đúng trình tự thi công và phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan đến an toàn vào mùa mưa lũ; không đắp tôn cao gây cản trở thoát lũ.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại gần bờ sông/kênh.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông:

+ Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

b. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng, cản trở thoát lũ: Thiết kế, thi công hệ thống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước; độ cao nền đường, thủy văn cầu, cống đã được tính toán, xem xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt đầy đủ và định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo quy định.

c. Các công trình, biện pháp khác:

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét hệ thống hồ ga, rãnh thoát nước tại công trường thi công, dọc tuyến thi công và tuyến đường công vụ, bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Tháo bỏ các hạng mục công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; thanh thải lòng sông, lòng kênh khu vực thi công xây dựng các cầu; san gạt, đầm nén các vị trí thi công.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Dự án không có công trình thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm. Chương trình giám sát môi trường dự kiến như sau:

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công

- Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thực hiện phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

- Giám sát môi trường không khí (bụi), ồn, rung:

+ Vị trí giám sát: các vị trí qua khu dân cư đông đúc: (1) KDC thôn Tân Lâm, xã Ninh Thượng; (2) KDC thôn Hòa Thiện 2, xã Ninh An; (3) KDC thôn 1, xã Ninh Sơn; (4) KDC thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng.

+ Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (trong thời gian thi công).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Giám sát tình trạng ngập úng, trượt lở, sạt lở.

+ Vị trí giám sát: dọc tuyến đường của Dự án.

+ Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong thời gian thi công, xây dựng.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát tình trạng ngập úng dọc tuyến.

+ Vị trí giám sát: dọc tuyến đường của Dự án.

+ Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong thời gian bảo hành.

NGHỊ QUYẾT

**Về việc chủ trương đầu tư dự án
Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;*
- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- Căn cứ Nghị Quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*
- Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;*
- Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

Xét Tờ trình số 6967/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 96/BC-BKTNS ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu dự án:

Nâng cấp, làm mới tuyến giao thông huyết mạch cho khu vực, đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo định hướng quy hoạch, đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thông các khu vực, kết nối các trục giao thông Quốc lộ với Tỉnh lộ, kết nối với đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông. Tạo thêm quỹ đất cho mục tiêu mở rộng đô thị Ninh Hòa, Vạn Ninh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, tạo quỹ đất để phát triển đô thị, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, dân sinh trong khu vực, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được nêu tại Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình giao thông
- Cấp công trình: Cấp III.
- Hướng tuyến theo quy hoạch.
- Chiều dài tuyến khoảng 15,875 Km, (trong đó tuyến chính dài 14,434 Km; 02 nhánh tại nút giao Quốc lộ 1 dài tổng cộng 1,44 Km)
- Quy mô đầu tư:
 - + Đầu tư toàn tuyến theo quy mô nền rộng 9m, bao gồm mặt đường 7m, lề gia cố 2 bên x 0,5m = 1m và lề đất 2 bên x 0,5 = 1m.
 - + Quy mô công trình cầu: Xây dựng các công trình cầu vượt sông, cầu vượt đường bộ cao tốc, vượt đường sắt Bắc - Nam kết nối với Quốc lộ 1; Tải trọng thiết kế cầu: HL93.
 - + Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
 - + Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo quy định.
- Nhu cầu sử dụng đất: Toàn bộ dự án giải phóng mặt bằng theo quy hoạch rộng 42m.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

4. Nhóm dự án: Nhóm B.

5. Tổng mức đầu tư dự kiến: 875.749.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

6. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2023 - 2027.

Điều 2. Thực hiện tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 về việc ban hành danh mục dự án đầu tư công thực hiện thí điểm tách dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với các nội dung chính như sau:

1. Dự án tổng thể: Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2).

2. Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2):

- Mục tiêu và Quy mô đầu tư dự án theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

- Tổng mức đầu tư: 605.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm lẻ năm tỷ, tám trăm triệu đồng*).

- Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Địa điểm: Huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

3. Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2).

- Mục tiêu: Giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2).

- Tổng mức đầu tư: 85.402.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ, bốn trăm lẻ hai triệu đồng*).

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

- Quy mô: Diện tích đất thu hồi khoảng 22,74 ha

- Địa điểm: Huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

4. Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2).

- Mục tiêu: Giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2).

- Tổng mức đầu tư: 184.547.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

- Quy mô: Diện tích đất thu hồi khoảng 37,88 ha.

- Địa điểm: Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

5. Việc quyết định đầu tư, điều chỉnh các dự án bồi thường hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng nêu trên thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Mạnh Dũng

Trần Mạnh Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10174/UBND-XDND

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 10 năm 2023

V/v giao đơn vị làm chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2), thị xã Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh

Kính gửi:

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND huyện Vạn Ninh.

Trên cơ sở nội dung báo cáo, tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3751/SKHĐT-TH ngày 22/9/2023 và Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2672/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 08/9/2023 về việc giao đơn vị làm chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2), thị xã Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh; sau khi xem xét, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất giao đơn vị làm chủ đầu tư dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2), thị xã Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh như sau:

a) Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh làm chủ đầu tư Dự án thành phần 1: Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2).

b) UBND huyện Vạn Ninh làm chủ đầu tư Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2).

c) UBND thị xã Ninh Hòa làm chủ đầu tư Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2).

2. Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh, UBND thị xã Ninh Hòa và UBND huyện Vạn Ninh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án được giao nhiệm vụ chủ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.



3. Giao Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm tổng hợp số liệu, kết quả thực hiện của UBND thị xã Ninh Hòa và UBND huyện Vạn Ninh; báo cáo UBND tỉnh tiến độ triển khai các Dự án thành phần nêu trên, các nội dung vướng mắc, đề xuất, kiến nghị trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có) theo **định kỳ trước ngày 25 hàng tháng**, bảo đảm đầy đủ và kịp thời./.

(Sao gửi kèm Văn bản số 3751/SKHĐT-TH ngày 22/9/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 2672/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 08/9/2023 của Sở Giao thông vận tải)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, GTVT, CT, NN&PTNT;
- BQL KKT Vân Phong;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng Kinh tế - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TV, MX.

Minh-XDND

1

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 3751/SKHĐT-TH

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 2023

V/v giao đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2).

Kính gửi: UBND tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 9375/UBND-XDND ngày 18/9/2023 V/v giao đơn vị làm chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2); Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh như sau:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với đề xuất của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 2672/SGTVT-QLCL&ATGT ngày 08/9/2023 V/v báo cáo, tham mưu giao đơn vị làm nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2).

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Sở GTVT (VBĐT);
- UBND TX NH (VBĐT);
- UBND huyện VN (VBĐT);
- Lưu: VT, TH (QH).



UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 2672/SGTVT-QLCL&ATGT

V/v báo cáo, tham mưu giao đơn vị làm nhiệm vụ Chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); địa điểm: huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: UBND tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8021/UBND-XDND ngày 09/8/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh, trong đó giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên, kịp thời tham mưu, đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của UBND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị bao gồm: Sở Xây dựng (số 2782/SXD-QLCL ngày 21/8/2023), UBND thị xã Ninh Hòa (số 3416/UBND ngày 28/8/2023), Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông (số 1051/DAGT-DA1 ngày 16/8/2023) và kết quả cuộc họp ngày 06/9/2023 theo Giấy mời số 81/GM-SGTVT ngày 05/9/2023 (đính kèm theo Biên bản họp ngày 05/9/2023), Sở Giao thông vận tải báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh giao nhiệm vụ Chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); địa điểm: huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.

2. Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); Chủ đầu tư: UBND huyện Vạn Ninh.

3. Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh

lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2); Chủ đầu tư: UBND thị xã Ninh Hòa.

Sở Giao thông vận tải kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

(đính kèm các văn bản liên quan và Biên bản họp ngày 06/9/2023)

Nơi nhận: (VBĐT) *for*

- Như trên;
- Các Sở: KH&ĐT, XD;
- UBND huyện, thị xã: Vạn Ninh, Ninh Hòa;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, QLCL&ATGT (NDT/3b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dân